

Bản án số: 273/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-6-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Lương Quân

Bà Nguyễn Thị Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Phương – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2772/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết A, sinh năm 1983; Địa chỉ: 47C Đường V, phường A, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tri Đ, Luật sư Công ty Luật 360 thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Victor V (Tran V Hong), sinh năm 1967; Địa chỉ: 46 đường D, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện đang thụ án tại buồng B, khu B, trại giam Chí Hòa (T30) – Công an Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Ấp 5, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn đề ngày 18 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Tuyết A đều trình bày:

Bà và ông Victor V tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số vào sổ đăng ký kết hôn 3184, quyển số 11 ngày 03 tháng 10 năm 2008. Ông, bà có con chung tên Trần Thiện M, sinh ngày 03/02/2010.

Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thường xảy ra mâu thuẫn về mọi mặt trong cuộc sống vợ chồng, không có hạnh phúc. Mặt khác, ông Victor V còn vi phạm pháp luật, đang phải chấp hành hình phạt với mức tử hình thì bà nhận thấy không thể tiếp tục hàn gắn được và không còn tình cảm vợ chồng. Hai vợ chồng không sống chung từ năm 2017 đến nay. Nay, bà nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn, không thể quay lại chung sống nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Victor V để ổn định cuộc sống riêng.

Về nuôi con: Bà yêu cầu được nuôi con chung là Trần Thiện M, sinh ngày 03/02/2010. Về cấp dưỡng cho con, bà không yêu cầu ông Victor V cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Victor V trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 5 năm 2022:

Ông và bà Trần Thị Tuyết A tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và có con chung là Trần Thiện M. Quá trình chung sống, vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ, tuy nhiên năm 2017 ông có thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nên bị bắt và hiện đang phải chấp hành hình phạt nên bà Trần Thị Tuyết A muốn ly hôn với ông thì ông hiểu được và cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Tuyết A.

Về nuôi con: Từ trước đến nay, bà Tuyết A là người trực tiếp nuôi con và nuôi con rất tốt. Mặt khác, với hoàn cảnh hiện nay của ông thì ông đồng ý giao con chung Trần Thiện M, sinh ngày 03/02/2010 cho bà Trần Thị Tuyết A trực tiếp nuôi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản luận cứ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – luật sư Nguyễn Tri Đ trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn vì mục đích của hôn nhân là nhằm mưu cầu hạnh phúc, xây dựng một gia đình yên ấm với một cuộc sống hôn nhân hạnh phúc tuy nhiên cuộc hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã không đạt được mục đích với những diễn biến tiêu cực đã khiến cuộc sống của nguyên đơn đi vào bức bách, bế tắc, không thể tiếp tục hay hàn gắn được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Trần Thị Tuyết A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Victor V cư trú tại 46 đường D, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số vào sổ đăng ký kết hôn 3184, quyển số 11 ngày 03 tháng 10 năm 2008 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hoà giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng bị đơn vắng mặt và có ý kiến đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, còn nguyên đơn có Đơn xin không tiến hành hòa giải đề ngày 31 tháng 5 năm 2022, thể hiện nguyên đơn và bị đơn không có thiện chí muốn hàn gắn và đoàn tụ.

[6] Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[7] Về nuôi con: Hai bên đều yêu cầu giao con chung là Trần Thiện M, sinh ngày 03/02/2010 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi vì từ trước đến nay con vẫn ở với nguyên đơn. Theo Bản khai của trẻ Trần Thiện M thì hiện nay trẻ đang sống cùng với nguyên đơn, được nguyên đơn chăm sóc, dạy dỗ chu đáo nên vẫn muốn tiếp tục sống với nguyên đơn.

[8] Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, sau khi xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, nguyện vọng của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là Trần Thiện M cho nguyên đơn trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng cho con, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

[9] Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

[10] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, các điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết A

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết A và ông Victor V thuận tình ly hôn.

Về nuôi con: Giao con chung là Trần Thiện M, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2010 cho bà Trần Thị Tuyết A trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Tuyết A không yêu cầu ông Victor V cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Tuyết A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0005704 ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Tuyết A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương

